

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31a/2021/DS-ST

Ngày: 01-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 165/2021/QĐST-DS, ngày 02/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hà Minh N (vắng mặt), bà Nguyễn Thị H (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ngày 05/9/2017 (âm lịch) ông T cho ông N, bà H vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để phục vụ nhu cầu sản xuất (mua xe ô tô để đưa đón học sinh). Ông N, bà H hẹn 45 ngày tức là ngày 20/10/2017 âm lịch sẽ trả cả gốc và lãi. Giấy vay tiền là do ông T viết, chữ ký và chữ viết rõ họ và tên phía bên vay tiền là do ông Phạm Hà Minh N ký và ghi rõ họ và tên của ông N nhưng lúc đó mỗi ông N ký và ghi rõ họ và tên, còn bà H do ông T

tin tưởng nên bà H không ký vào giấy vay tiền. Sau khi vay đến ngày 20/10/2017 âm lịch ông N đã trả cho ông T số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 05/9/2017 đến ngày 20/02/2019 âm lịch nhưng ông T không nhớ bà H đã trả số tiền lãi cho ông T là bao nhiêu tiền. Nay ông T yêu cầu ông N, bà H thanh toán cho ông T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N, bà H đến giải quyết vụ việc nhưng ông N, bà H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông N, bà H vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Lê Văn T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng; về lãi suất: ông Lê Văn T không yêu cầu ông Phạm Hà Ninh N và bà Lê Thị H tính lãi suất nên không xem xét.

Về án phí: Bị đơn ông Phạm Hà Ninh N và bà Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại địa phương ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại địa phương nhưng thường xuyên đi làm ăn xa, đến kỳ bỏ phân, mùa thu hoạch mới về nhà. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 05/9/2017, ông T cho ông N, bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền thỏa thuận ông N, bà H có vay của ông T 50.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 20/10/2017, các bên có thỏa thuận lãi suất. Ông N, bà H đã thanh toán được 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng ông N, bà H chưa thanh toán cho ông T.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đúng, đầy đủ thủ tục và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông N, bà H vẫn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ kết luận mặc dù ông N, bà H biết được việc khởi kiện của ông T yêu cầu ông N, bà H thanh toán tiền vay nhưng ông N, bà H vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án.

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

....

4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.*

Như vậy, ông T đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với ông N, bà H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông N, bà H đã từ bỏ quyền được đưa ra ý kiến, yêu cầu của mình và chứng minh cho ý kiến, yêu cầu đó, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông N, bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của ông T buộc ông N, bà H thanh toán 30.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Ông Lê Văn T không yêu cầu ông Phạm Hà Ninh N và bà Lê Thị H thanh toán lãi suất nên không xem xét.

[6]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn ông Lê Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Lê Văn T số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Hà Ninh N và bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Lê Văn T số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004101, ngày 24/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi